

Bản án số: 574/2023/HC- PT
Ngày: 01/8/2023
V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách;
Ông Trần Xuân Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Song Lê - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 300/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 4 năm 2023 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8387/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Đình T; sinh năm 1961; địa chỉ: Phố L, thị trấn V, huyện Ú, thành phố Hà Nội; có mặt

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Anh Lê Xuân H; sinh năm 1989; địa chỉ: Phố L, thị trấn V, huyện Ú, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H; địa chỉ: Số A L, quận H, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền của UBND và Chủ tịch UBND thành phố
H: Ông Nguyễn Trọng Đ; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố
H; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện Ú, thành phố Hà Nội; địa chỉ: Trụ sở UBND huyện Ú, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Hoàng Thị Vân A; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ú; vắng mặt, và ông Dương Tuấn A1; chức vụ: Trưởng phòng Phòng T2; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ú, thành phố Hà Nội;

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Dương Tuấn A1; chức vụ: Trưởng Phòng T2; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện Ú, thành phố Hà Nội; địa chỉ: Trụ sở UBND thị trấn V, huyện Ú, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Dương Anh D; chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn V; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Sinh V, sinh năm 1939;

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đặng Viết N; cùng địa chỉ: Số A, phố L, thị trấn V, huyện Ú, thành phố Hà Nội; có mặt.

3.4. Ông Đặng Viết N; sinh năm 1966; địa chỉ: Số A, phố L, thị trấn V, huyện Ú, thành phố Hà Nội; có mặt.

3.5. Ông Đỗ Văn N1; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.6. Ông Đỗ Thành Đ1; sinh năm 1972; địa chỉ: P V, Tòa nhà V, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.7. Ông Phạm Văn D1; địa chỉ: Thôn V, thị trấn V, huyện Ú, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.8. Ông Đỗ Văn Q; sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Ú, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.9. Ông Nguyễn Việt D2; sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.10. Anh Nguyễn Tuấn Đ2; sinh năm 1994; địa chỉ: Phố T, thị trấn V, huyện Ú, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.11. Bà Nguyễn Thị H1; sinh năm 1960; có mặt

3.12. Anh Lê Xuân H; sinh năm 1989; có mặt

3.13. Chị Nguyễn Thị Phương T1; sinh năm 1989; vắng mặt

3.14. Cháu Lê Trúc L; sinh năm 2017; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Phố L, thị trấn V, huyện Ú, thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Lê Đình T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, người khởi kiện ông Lê Đình T trình bày:

Năm 1989 Xí nghiệp D3 có Công văn số 11/CVXN ngày 19/3/1989 gửi UBND huyện Ứ về việc xin phép san lấp toàn bộ diện tích ao đăng trước cơ quan để cho cán bộ công nhân viên chức tự làm nhà để ở và cửa hàng dịch vụ bằng nguồn vốn cá nhân tự đóng góp vì cơ quan không thể lo được kinh phí.

Ngày 19/03/1989 UBND huyện Ứ phê duyệt Công văn số 11/CVXN đồng ý cho Xí nghiệp D3 được san lấp cơ quan để quy hoạch lại và tổ chức cửa hàng dịch vụ trong phần đất do cơ quan quản lý.

Căn cứ vào phê duyệt của UBND huyện Ứ, xí nghiệp đã triển khai cho cán bộ công nhân viên đóng góp kinh phí san lấp ao, xây dựng nhà ở và dịch vụ. Gia đình ông được Xí nghiệp giao quyền sử dụng gian hàng và sinh hoạt 12m² trên diện tích đất là 65m². Gia đình nộp tiền san lấp ao là 350.000 đồng và tiền xây dựng nhà dịch vụ và sinh hoạt 600.000 đồng. Tổng cộng là 950.000 đồng và gia đình ở tại đây từ khi được giao đất (năm 1989) cho đến nay.

Ngày 22/02/1992 UBND huyện Ứ ban hành Quyết định số 37/QĐ-UB giải thể Xí nghiệp dịch vụ truyền thanh, kể từ ngày 25/03/1992.

Ngày 10/5/1994 UBND huyện có Quyết định số 62/QĐ-UB cấp đất cho ông Nguyễn Sinh V, cán bộ phòng nông nghiệp huyện diện tích đất là 37.2m² trên khuôn viên nhà đất do gia đình ông đang sử dụng.

Mặc dù chưa được gia đình ông đồng ý bàn giao đất, gia đình ông vẫn đang sinh sống tại đây, nhưng UBND huyện đã cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Sinh V (Giấy chứng nhận số T411492 ngày 11/02/2004).

Sau khi được cấp giấy chứng nhận, ông V đã chuyển nhượng đất cho ông Đặng Viết N. Việc chuyển nhượng đã được UBND thị trấn V xác nhận và ông N đã nộp phí trước bạ và thuê chuyển quyền sử dụng đất.

Năm 2003, UBND huyện Ứ đã cấp đất giãn dân cho 23 hộ cán bộ và nhân dân thôn Đ để làm nhà ở tại xã L, trong đó có gia đình ông. Do không hiểu biết pháp luật nên ông đã ký vào giấy tờ nhận bàn giao đất và đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 57m² ở vị trí khác.

Ngày 26/10/2005 UBND huyện Ứ ban hành Quyết định số 494/QĐ-UB về việc tháo dỡ, di chuyển các công trình xây dựng trên đất trái phép của gia đình ông. Không đồng ý Quyết định số 494/QĐ-UB ông đã làm đơn khiếu nại. Ngày 13/02/2006 UBND huyện Ứ ra Quyết định số 945/QĐ-UB giải quyết khiếu nại lần 1. Ngày 17/7/2007 Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định 615/QĐ-UB giải quyết khiếu nại lần 2. Không đồng ý với các quyết định nêu trên, ông đã khởi kiện vụ án hành chính.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch UBND huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm tại Bản án số 01/2008/HC-ST bác yêu cầu khởi kiện. Ông đã kháng cáo Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm số 09/2009/HC-PT ngày 20/5/2009 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên hủy Quyết định 494/QĐ-UB ngày 26/10/2005 và Quyết định 283/QĐ-UB ngày 6/5/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ứng.

Ngày 12/6/2015 ông đã làm đơn đề nghị UBND huyện Ứng cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất gia đình ông đang sử dụng tại vị trí đất ông được giao sử dụng năm 1989. Ngày 15/12/2015 UBND huyện ra Thông báo số 756/UBND-TNMT trả lời: Không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận với lý do khu đất Xí nghiệp truyền thanh đã được UBND tỉnh H thu hồi theo Quyết định số 153/QĐ-UB ngày 08/04/1994 của UBND tỉnh H. UBND huyện đã cấp đất cho ông Nguyễn Sinh V theo Quyết định số 62/QĐ-UB ngày 10/5/1994 với diện tích đất 37,2m² trên khuôn viên thửa đất của gia đình ông.

Ông khiếu nại Thông báo số 756/UBND-TNMT, đến ngày 31/5/2016 Chủ tịch UBND huyện đã ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 1558/QĐ-UBND có nội dung giữ nguyên Thông báo số 756/UBND-TNMT ngày 15/12/2015. Ngày 10/11/2017 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 7866/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung: Đồng ý với Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện Ứng.

Gia đình ông làm nhà ở và kinh doanh trên thửa đất hiện nay là do Xí nghiệp dịch vụ truyền thanh Ứng Hòa giao và được Ủy ban nhân dân huyện Ứng phê duyệt, đồng ý. Kinh phí để san lấp mặt bằng và xây dựng do gia đình ông tự đóng góp. Như vậy, nhà và đất là tài sản hợp pháp của gia đình ông. Theo đó không có căn cứ để thu hồi nhà và đất của gia đình ông giao cho người khác vẫn với mục đích làm nhà ở.

Quyết định thu hồi đất 153/QĐ-UB ngày 08/04/1994 của UBND tỉnh H đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất của Xí nghiệp D3, nhưng lại không lập hồ sơ xác minh hiện trạng sử dụng đất, kiểm đếm thực tế tài sản trên đất, không lập phương án thu hồi đất và bồi thường GPMB và thông báo công khai cho gia đình.

Tháng 5/2008 khi Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử vụ án hành chính ông mới biết Quyết định 153/QĐ-UB ngày 08/4/1994 của UBND tỉnh H có nội dung thu hồi đất của xí nghiệp. Quyết định trên đã vi phạm về trình tự thủ tục thu hồi đất, không thông báo cho người đang sử dụng đất biết lý do thu

hồi, thời gian, kế hoạch di chuyển, phương án đền bù thiệt hại. Do vậy, cần phải hủy bỏ một phần Quyết định trên.

Quyết định số 62/QĐ-UB ngày 10/5/1994 UBND huyện Ứ cấp đất cho ông Nguyễn Sinh V trên diện tích nhà đất do gia đình ông đang ở khi chưa có quyết định thu hồi đất đối với gia đình ông là trái pháp luật.

Quá trình giải quyết khiếu nại lần 2, ông chưa được đối thoại nhưng ngày 10/11/2017, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 7866/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, kết luận khiếu nại của ông là không có cơ sở.

Ngày 04/8/2020 Tòa án nhân dân thành phố đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Thấy rằng đất ông đang sử dụng tại khu đất được giao năm 1989 UBND huyện Ứ đã cấp cho ba người. Cụ thể:

+ Một phần cấp cho ông Nguyễn Sinh V, ông V đã chuyển nhượng cho ông Đặng Viết N.

+ Một phần cấp cho ông Đỗ Xuân N2, ông N2 đã bán cho ông Đỗ Thành Đ1.

+ Một phần cấp cho ông Đỗ Văn Q, ông Q đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Việt D2, sau đó ông Nguyễn Việt D2 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tuấn Đ2.

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 7866/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai;

- Hủy một phần Quyết định thu hồi đất 153/QĐ-UB ngày 08/04/1994 của UBND tỉnh H phần liên quan đến thu hồi 65m² đất và nhà ở của gia đình ông;

- Hủy Quyết định số 62/QĐ-UB ngày 10/5/1994 của UBND huyện Ứ cấp đất cho ông Nguyễn Sinh V;

- Hủy Giấy chứng nhận số T411492 ngày 11/02/2004 của UBND huyện Ứ cấp cho ông Nguyễn Sinh V diện tích 36,9m²;

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Sinh V với ông Đặng Viết N là giao dịch dân sự vô hiệu. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đặng Viết N (nếu có).

- Yêu cầu UBND huyện Ứ làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho gia đình ông.

- Hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông Đỗ Thành Đ1, ông Đỗ Thành Đ1 đã chuyển nhượng cho người khác thì tuyên hủy GCNQSDĐ đã cấp cho người khác.

- Hủy GCNQSD đất đã cấp cho ông Đỗ Văn Q và GCNQSDĐ đã cấp cho ông Nguyễn Việt D2 và Nguyễn Tuấn Đ2 (nếu có). Tuyên bố hợp đồng

chuyển nhượng đất giữa ông Đỗ Văn Q với ông Nguyễn Việt D2 và hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Việt D2 với ông Nguyễn Tuấn Đ2 vô hiệu.

Ý kiến của Chủ tịch và UBND thành phố H trình bày:

Về hồ sơ quản lý đất đai tại UBND thị trấn V

+ Bản đồ đo đạc lập năm 1992 (đo đạc theo Chỉ thị 299), tờ bản đồ số 11 và sổ mục kê thể hiện: Thửa số 306, diện tích 1.156m², loại đất công, chủ sử dụng ghi Đài truyền thanh huyện.

+ Bản đồ VLap đo đạc lập năm 2014, tờ bản đồ số 34 kèm sổ mục kê thể hiện: Thửa số 32, diện tích 75,3m², loại đất ODT, chủ sử dụng ghi tên Lê Đình T.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất

Vị trí thửa đất gia đình ông Lê Đình T đề nghị UBND huyện Ú cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trước đây thuộc quyền quản lý của Xí nghiệp sửa chữa Đài truyền thanh huyện Ú, được giao sử dụng phục vụ cho hoạt động của Xí nghiệp.

Năm 1989, căn cứ phê duyệt của UBND huyện Ú: *Đồng ý cho Xí nghiệp D3 được san lấp diện tích ao đầm trước cơ quan để quy hoạch lại và tổ chức cửa hàng dịch vụ trong phần đất do cơ quan quản lý*”. Trên cơ sở ý kiến của UBND huyện Ú, Xí nghiệp sửa chữa Đài truyền thanh huyện Ú có văn bản không số bàn giao cho ông Lê Đình T được quyền sử dụng diện tích 12m² gian hàng và sinh hoạt; với điều kiện “*Nếu cơ quan, nhà nước có nhu cầu thì phải hoàn lại cả vốn lẫn lãi kể từ ngày đóng góp đến khi cơ quan nhà nước có nhu cầu. Tuy nhiên khi triển khai thực hiện, Xí nghiệp sửa chữa Đài truyền thanh huyện Ú có ghi thu 2 khoản tiền: Tiền san lấp nền khu ao là 350.000 đồng (65m²) và tiền xây dựng khu nhà dịch vụ và sinh hoạt là 600.000 đồng; không có tiền đầu thầu xây dựng khu nhà ở.*

Việc triển khai thực hiện trên của Xí nghiệp sửa chữa Đài truyền thanh huyện Ú chưa phù hợp với ý kiến chỉ đạo của UBND huyện tại Văn bản số 11/CVXN ngày 19/3/1989.

Ngày 22/02/1992, U H2 có Quyết định số 37/QĐ-UB giải thể Xí nghiệp D3 - truyền hình, kể từ ngày 25/3/1992.

Ngày 08/01/1994, UBND tỉnh H trước đây có Quyết định số 153-QĐ/UB thu hồi 1.032m² đất chuyên dùng của Công ty Vật tư nông nghiệp không sử dụng và 2.924m² đất của Công ty X, Xí nghiệp sửa chữa đài, cửa hàng thực phẩm đã giải thể để giao cho UBND huyện Ú chuyển thành đất ở giải quyết cho cán bộ công nhân viên cơ quan huyện làm nhà ở.

Ngày 28/01/1994 UBND huyện Ú có Tờ trình số 05/TT-UB nội dung xin UBND tỉnh phê duyệt, cho phép thanh lý nhà cấp 3, cấp 4 và cấp đất cho công nhân viên chức. Tổng cộng đất thu hồi là 3.956m², trong đó Xí nghiệp sữa chữa đài là 1.360m². Nội dung tờ trình có nêu: “Những khu đất trên qua kiểm tra không nằm trong quy hoạch sử dụng làm công trình của Nhà nước, không phạm vào chỉ giới giao thông, đề điều, môi trường, môi sinh của địa phương, được các cơ quan, các cấp đồng ý để quy hoạch khu dân cư”.

Ngày 10/5/1994 UBND huyện Ú có quyết định số 62/QĐ-UB cấp đất cho ông Nguyễn Sinh V (*là cán bộ phòng nông nghiệp*) diện tích 37,2m² tại vị trí cơ quan sữa chữa đài (cũ) trên khuôn viên diện tích đất ông T đang sử dụng làm nơi sữa chữa đồ điện tử và ở (trước đây được Xí nghiệp sữa chữa đài truyền thanh giao làm dịch vụ).

Về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng (trong đó có thửa đất ông Lê Đình T đang khiếu nại):

Để khắc phục các tồn tại trong công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và giải quyết quyền lợi cho các hộ gia đình tại khu vực đài truyền thanh, ngày 08/8/2003, UBND huyện Ú có Quyết định số 252/QĐ-UB thu hồi 2.517m² đất nuôi trồng thủy sản và đất chuyên dùng tại xã L để giao cho 23 hộ cán bộ và nhân dân thôn Đ làm nhà ở; trong đó có 02 hộ cán bộ của Xí nghiệp sữa chữa Đài Truyền thanh cũ và hộ ông Lê Đình T.

Gia đình ông T đã nhận bàn giao đất tại thực địa với diện tích 57m² và đã xây dựng móng nhà; Gia đình ông T đã được UBND huyện Ú cấp GCNQSD đất số T411582 ngày 11/2/2004. Sau khi nhận diện tích đất nêu trên, gia đình ông T không bàn giao lại diện tích đất sử dụng mà làm quán sữa chữa đồ điện tử; UBND huyện Ú đã lập hồ sơ xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai đối với gia đình ông T.

Năm 2010, UBND huyện Ú có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ về tài sản hoa màu trên đất cho gia đình ông Lê Đình T (đối với diện tích đất sử dụng làm quán sữa chữa đồ điện tử); dự toán kinh phí là 44.207.000 đồng (theo Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 17/7/2007 của UBND tỉnh H). Đến nay, ông Lê Đình T chưa nhận số tiền trên.

Như vậy, sau khi UBND tỉnh H có Quyết định số 153/QĐ-UB ngày 08/01/1994 về việc thu hồi và giao đất cho UBND huyện Ú để cấp đất cho cán bộ công nhân viên cơ quan huyện làm nhà ở, UBND huyện Ú đã không tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với người đang sử dụng đất (trong đó có ông Lê Đình T), mà tổ chức cấp đất và bàn giao đất cho các hộ gia đình là chưa thực hiện đúng Luật đất đai, chưa phù hợp với quy định tại Điều 26 Luật đất đai năm 1993.

Về cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Sinh V (diện tích đất trên khuôn viên thửa đất gia đình ông Lê Đình T sử dụng làm quán sửa chữa điện tử, bị thu hồi tại Quyết định số 153/QĐ-UB ngày 08/01/1994 của UBND tỉnh H):

Ngày 11/02/2004, UBND huyện Ú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T411492 cho hộ ông Nguyễn Sinh V, diện tích 36,9m² đất thổ cư tại xã L, huyện Ú. Ông V đã chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất trên cho ông Đặng Viết N với số tiền là 100.000.000 đồng, được UBND thị trấn V xác nhận, ông N đã nộp lệ phí trước bạ và thuế chuyển quyền sử dụng đất.

Việc UBND huyện Ú chưa thực hiện GPMB đã tổ chức bàn giao đất và cấp GCNQSD đất cho gia đình ông Nguyễn Sinh V là chưa phù hợp với quy định tại Điều 122 Luật Đất đai năm 2003. Tuy nhiên, do ông Nguyễn Sinh V đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đặng Viết N nên căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai thì GCNQSDĐ số T 411492 đã cấp cho hộ ông Nguyễn Sinh V không thể thu hồi được.

Ngày 31/5/2016, Chủ tịch UBND huyện Ú có Quyết định số 1558/QĐ-UBND về giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Đình T phố L, thị trấn V, huyện Ú liên quan đến việc cấp GCNQSD đất cho ông T.

Căn cứ vào Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; kết quả xác minh nội dung khiếu nại và kết luận, kiến nghị của Sở T3 tại Báo cáo số 2033/BC-STNMT-TTr ngày 04/10/2017; Căn cứ Luật khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại thuộc thành phố Hà Nội, Chủ tịch UBND thành phố khẳng định việc thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Lê Đình T và ban hành Quyết định số 7866/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 là đúng pháp luật, phù hợp với thực tiễn. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, xử lý vụ việc theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch và UBND huyện Ú trình bày:

Ông Lê Đình T, có đơn đề ngày 12/6/2015 đề nghị UBND huyện Ú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất thuộc Xí nghiệp sửa chữa truyền thanh huyện (cũ) tại phố L, thị trấn V, huyện Ú do gia đình ông đã đóng tiền cho xí nghiệp D3 (cũ) từ năm 1989 và sử dụng từ đó đến nay.

Tại Báo cáo số 191/BC-TNMT ngày 02/12/2015 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và các hồ sơ tài liệu, ngày 15/12/2015, UBND huyện đã ban hành Văn bản số 756/UBND-TNMT với nội dung:

“Hộ ông Lê Đình T không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất hộ ông T đang sử dụng làm quán sửa chữa đồ điện tử tại Khu Xí nghiệp truyền thanh (cũ), phố L, thị trấn V.

Lý do: Khu đất Xí nghiệp truyền thanh đã được UBND tỉnh H thu hồi đất theo Quyết định số 153/QĐ-UB ngày 8/4/1994. UBND huyện Ú ban hành quyết định số 62/QĐ-UB ngày 10/5/1994 về việc cấp đất cho ông Nguyễn Sinh V diện tích 37,2m² trên khuôn viên thửa đất hộ ông T hiện đang làm quán sửa chữa đồ điện tử. Ngày 11/02/2004, UBND huyện Ú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T411492 cho hộ ông Nguyễn Sinh V.

Đối với gia đình ông Lê Đình T cũng được UBND huyện Ú giao thửa đất ở diện tích 57m² (phía Bắc dài 6,8m giáp ngõ xóm; phía Nam dài 6,8m giáp rãnh nước, phía Đông dài 8,4m giáp đất ông Đặng Văn H3) tại vị trí khác thuộc phố L, thị trấn V. Ông T đã nhận bàn giao thửa đất năm 2003.

Đối với các công trình (gồm: nhà, bể nước, giếng khoan, nhà vệ sinh tự hoại ...) mà gia đình ông T đã xây dựng trên khuôn viên thửa đất UBND huyện giao cho ông Nguyễn Sinh V. Năm 2010 UBND huyện đã tổ chức kiểm đếm và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng theo quy định của Nhà nước tại Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 21/6/2010 với tổng số tiền là 44.207.000 đồng. Hiện nay gia đình ông T vẫn chưa nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ trên ”.

Ông Lê Đình T có đơn khiếu nại vì cho rằng thửa đất gia đình ông T đã đóng tiền cho Xí nghiệp D3 (cũ) từ năm 1989 và sử dụng từ đó cho đến nay, đồng thời đề nghị UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho gia đình ông.

Ngày 31/05/2016 U1 Quyết định số 1558/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đình T với nội dung: Giữ nguyên nội dung Văn bản số 756/UBND-TNMT ngày 15/12/2015 của UBND huyện về việc trả lời đơn của ông Lê Đình T.

Ngày 10/11/2017, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 7866/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 nội dung: “*Đồng ý với Quyết định 1558/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện Ú về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đình T*”.

Quan điểm của UBND huyện: Đề nghị giữ nguyên các văn bản đã ban hành.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Sinh V và ông Đặng Viết N trình bày:

Ngày 26/12/2004, ông có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Sinh V1. Theo hợp đồng, ông nhận chuyển nhượng của

ông V1 diện tích 36,9m² thuộc thửa đất số 353 tờ bản đồ số 11 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 411492 do UBND huyện Ú cấp ngày 11/02/2004. Nguồn gốc đất do UBND huyện Ú cấp cho ông V1 (cán bộ huyện) theo Quyết định 153/QĐ-UB về việc thu hồi 1.032m² đất của Công ty vật tư nông nghiệp và 2.924m² đất của Công ty xuất khẩu, xí nghiệp sửa chữa đài, cửa hàng thực phẩm đã giải thể, giao cho UBND huyện Ú chuyển thành đất thổ cư giải quyết cho công nhân viên cơ quan huyện làm nhà ở. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này đã được UBND thị trấn V ký, đóng dấu xác nhận. Ngay sau đó, ông đã nộp thuế và lệ phí trước bạ đầy đủ. Tuy nhiên, khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông mới được UBND huyện Ú thông báo mảnh đất này đang có tranh chấp do ông Lê Đình T khởi kiện quyết định hành chính. Do vậy, ông vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không được sử dụng đất. Điều này gây ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của gia đình ông.

Ông Nguyễn Tuấn Đ2 trình bày:

Năm 1994, ông Phạm Văn D1 - Cán bộ phòng T2 được UBND huyện Ú cấp cho 01 thửa đất ở theo Quyết định số 62/QĐ-UB ngày 10/5/1994 của UBND huyện Ú (*theo sơ đồ giao đất năm 1995 thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 03, diện tích 37,2m²*).

Năm 2003, ông Phạm Văn D1 đã chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích thửa đất nêu trên cho ông Đỗ Văn Q theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 71/CN đã được UBND xã L xác nhận ngày 16/8/2003. Năm 2004, ông Đỗ Văn Q đã được UBND huyện Ú cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 354, tờ bản đồ số 11, diện tích 36,9m², loại đất ở (*theo bản đồ năm 2003*), địa chỉ tại thôn Đ, xã L (*nay thuộc phố L, thị trấn V*).

Năm 2010, ông Đỗ Văn Q đã chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích thửa đất nêu trên cho ông Nguyễn Việt D2. Ngày 08/11/2010, GCNQSDĐ nêu trên đã được UBND huyện Ú cấp đổi sang GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số seri BB 887581, số vào sổ cấp GCN CH 000848/2529, đối với thửa đất số 354, tờ bản đồ số 11, diện tích 36,9m², loại đất ở, cấp cho ông Nguyễn Việt D2, địa chỉ thửa đất tại phố L, thị trấn V, huyện Ú, thành phố Hà Nội.

Ngày 30/7/2020, ông Nguyễn Việt D2 đã chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích thửa đất nêu trên sang cho ông Nguyễn Tuấn Đ2 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 933/Q3.2/2020, Quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGC ngày 30/7/2020 của Văn phòng C.

Về việc ông Lê Đình T đề nghị hủy GCNQSD đất:

Theo ông được biết thì thửa đất ông Lê Đình T hiện tại đang sử dụng có

nguồn gốc là đất Xí nghiệp dịch vụ sửa chữa truyền thanh, truyền hình huyện Út giao ông Lê Đình T tạm thời sử dụng gian hàng 12m² + đất lấn chiếm.

Căn cứ theo Biên bản giao đất năm 1989 của Xí nghiệp dịch vụ sửa chữa truyền thanh, truyền hình huyện Út do ông Lê Đình T cung cấp cho Tòa án thì có thể thấy biên bản ghi các nội dung như sau: “*Căn cứ vào công văn số 11 ngày 19/3/89 đã được U2 (có danh sách kèm theo) xí nghiệp đã triển khai cho cán bộ công nhân viên chức trong xí nghiệp đóng góp xây dựng vào việc sau: san nền và xây dựng khu nhà ở và dịch vụ: các đồng chí có tên sau đã đóng góp:*

- *Tiền san lấp nền khu ao 350.000 đồng (65m²).*

- *Tiền xây dựng khu nhà dịch vụ và sinh hoạt 600.000 đồng.*

Tổng cộng là 950.000 đồng...”

Theo Công văn số 11 đã được UBND huyện phê chuẩn và các quyết định trên, nay xí nghiệp trao quyền sử dụng gian hàng và sinh hoạt 12m² cho đồng chí Lê Đình T toàn quyền sử dụng, nếu cơ quan nhà nước có nhu cầu thì phải nộp hoàn lại cả vốn lẫn lãi kể từ ngày đóng góp đến khi cơ quan và nhà nước có nhu cầu ...

Từ những căn cứ trên có thể thấy nội dung biên bản đã ghi rất rõ:

- “*Các đồng chí sau có tên sau đã đóng góp: 1 - Tiền san lấp nền khu ao 350.000 đồng (65m²); 2 - Tiền xây dựng khu nhà dịch vụ và sinh hoạt 600.000 đồng. Tổng cộng là 950.000 đồng*” tức là tất cả các đồng chí có tên tại danh sách kèm theo Công văn số 11 đã đóng góp tổng cộng là 950.000 đồng để san lấp 65m² đất và xây dựng khu nhà dịch vụ và sinh hoạt chứ không phải một mình ông Lê Đình T đã đóng góp 950.000 đồng.

- “*Theo Công văn số 11 đã được UBND huyện phê chuẩn và các quyết định trên, nay xí nghiệp trao quyền sử dụng gian hàng và sinh hoạt 12m² cho đồng chí Lê Đình T toàn quyền sử dụng, nếu cơ quan nhà nước có nhu cầu thì phải hoàn lại cả vốn lẫn lãi kể từ ngày đóng góp đến khi cơ quan và nhà nước có nhu cầu*” từ nội dung này có thể thấy là ông Lê Đình T chỉ được trao quyền sử dụng gian hàng và sinh hoạt 12m² và khi nào cơ quan nhà nước có nhu cầu sử dụng thì phải hoàn trả lại cho nhà nước.

- Năm 1994 UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định số 153/QĐ/UB ngày 8/4/1994 về việc thu hồi khu đất Xí nghiệp truyền thanh (trong đó có toàn bộ diện tích đất ông Lê Đình T đang sử dụng ngày 10/5/1994, UBND huyện Út đã ban hành Quyết định số 62/QĐ-UB về việc giao đất cho 21 cán bộ (trong đó có ông Phạm Văn D1 - Cán bộ phòng T2).

Đối với gia đình ông Lê Đình T cũng đã được UBND huyện Út giao cho

01 thửa đất ở diện tích 57m² (phía Bắc dài 6,8m giáp ngõ xóm; phía Nam dài 6m giáp rãnh nước; phía Đông dài 8,4m giáp đất ông K, phía Tây dài 8,4m giáp đất ông Đặng Văn H3) tại vị trí khác thuộc phố L, thị trấn V và ông T đã nhận bàn giao thửa đất năm 2003.

Như vậy, việc UBND huyện Ứ giao đất cho ông Phạm Văn D1 - Cán bộ phòng Giao thông huyện ứng H2 và cấp GCNQSDĐ cho ông Đỗ Văn Q là đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Đình T về việc đề nghị hủy GCNQSDĐ của ông Đỗ Văn Q.

Ông Đỗ Thành Đ1 trình bày: Ngày 13/5/2003, ông có mua của ông Đỗ Xuân N2 miếng đất số thửa 15, tờ bản đồ 03, diện tích 56,5m² khu sửa chữa Đài cũ. Ông đã được UBND huyện cấp GCNQSD đất, ông đã quản lý và sử dụng cho đến nay. Ông Lê Đình T khởi kiện yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông là không đúng.

Bà Nguyễn Thị H1, Anh Lê Xuân H thống nhất ý kiến trình bày của ông Lê Đình T; chị Nguyễn Thị Phương T1 không có lời khai.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC- ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; điểm a, g khoản 1 Điều 123; điểm h khoản 1 Điều 143; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 ; Điều 204; Điều 206 Luật Tổ tụng Hành chính; Luật tổ chức Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai 1993, 2003; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình T yêu cầu tuyên hủy:

- Quyết định số 7866/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

- Quyết định số 62/QĐ-UB ngày 10/5/1994 của UBND huyện Ứ cấp đất cho ông Nguyễn Sinh V.

- Giấy chứng nhận QSD đất số T411492 ngày 11/02/2004 của UBND huyện Ứ cấp cho ông Nguyễn Sinh V.

- Giấy chứng nhận QSD đất số B 411573 ngày 11/02/2004 của UBND huyện Ứ cấp cho ông Đỗ Thành Đ1.

- Giấy chứng nhận QSD đất số T 411493 ngày 11/02/2004 của UBND huyện Ứ cấp cho ông Đỗ Văn Q và Giấy chứng nhận QSD đất số BB 88758 của UBND huyện Ứ cấp ngày 08/11/2010 cho ông Nguyễn Việt D2;

- Bác yêu cầu của ông Lê Đình T về việc buộc UBND huyện Ư phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho gia đình ông tại thửa đất số 32 tờ bản đồ số 34 diện tích 75,3m² tại phố L, thị trấn V, huyện Ư, thành phố Hà Nội.

2. Đình chỉ về việc khởi kiện của ông Lê Đình T đối với yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định thu hồi đất 153/QĐ-UB ngày 08/04/1994 của UBND tỉnh H.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Sinh V với ông Đặng Viết N là giao dịch dân sự vô hiệu.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Đỗ Văn Q với ông Nguyễn Việt D2 là giao dịch dân sự vô hiệu.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Việt D2 với ông Nguyễn Tuấn Đ2 là vô hiệu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 17/01/2022, người khởi kiện Lê Đình T có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện có ý kiến thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để xét xử lại.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Người khởi kiện có ý kiến: Đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để xét xử lại, với các lý do sau:

1) Quyết định thu hồi đất số 153/QĐ-UBND ngày 08/4/1994 của UBND tỉnh H về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông T là hoàn toàn trái pháp luật, vì nhà, đất hộ gia đình ông T được tạo lập hợp pháp, không liên quan đến tài sản của Xí nghiệp truyền thanh. Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết đối với Quyết định số 153 là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T vì theo Luật sư là diện tích đất ở ông T đang yêu cầu giải quyết không nằm trong diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định 153. Mặc dù Xí nghiệp truyền thanh không có thẩm quyền giao đất, nhưng giao trên cơ sở Văn bản số 11 của UBND huyện giao đất cho Xí nghiệp truyền thanh, giao đất cho các hộ, các hộ đã bỏ tiền ra san lấp, xây dựng. Sau này mới ban hành quyết định bồi thường, nhưng quyết định này bồi thường không phù hợp. Còn việc Nhà nước giao cho gia đình ông T 57m² là

giao giãn dân, không phải giao tái định cư.

2) Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện Ú về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Đình T (lần đầu) là không đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011, vì Văn bản số 756/UBND ngày 15/12/2015 là của UBND huyện Ú ban hành nên thẩm quyền giải quyết là UBND huyện Ú; không đúng về nội dung như đã nêu ở mục 1).

3) Quyết định số 7866/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đình T (Lần hai) không đúng vì Quyết định số 153/QĐ-UB ngày 08/01/1994 của UBND tỉnh H về việc thu hồi và giao đất cho UBND huyện Ú để cấp cho cán bộ công nhân viên cơ quan huyện làm nhà ở, UBND huyện Ú đã không thực hiện bồi thường, trong đó có hộ gia đình ông T là chưa phù hợp với Điều 26 Luật Đất đai 1993.

4) Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ các yêu cầu khởi kiện là không phù hợp vì nó có liên quan đến các quyết định hành chính đang khởi kiện. Đáng ra Tòa án phải nhập các yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng vào vụ án này để giải quyết.

5) Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng sai luật về việc xác định đối tượng khởi kiện.

6) Thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định 153/QĐ-UB ngày 08/4/1994 của UBND tỉnh H vẫn còn.

Đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện là anh H đồng ý với ý kiến của Luật sư.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Về việc chấp hành pháp luật: Tại cấp phúc thẩm người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng đến trước khi nghị án.

Về nội dung:

- Việc Bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện tuyên vô hiệu các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là đúng.

- Nguồn gốc đất thuộc quyền quản lý của Xí nghiệp Đ3 là đúng.

- Ông Lê Đình T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông T tại vị trí Xí nghiệp truyền thanh quản lý, sử dụng đã bị thu hồi và giao đất cho người khác sử dụng là không có căn cứ chấp nhận.

- Chủ tịch UBND huyện Ú ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Chủ tịch UBND thành phố H giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

- Năm 1989 Xí nghiệp sửa chữa truyền thanh có văn bản giao 12m² gian

hàng cho ông T.....Hộ ông Lê Đình T đã được giao đất 57m² năm 2003, ông T đã nhận đất, đã xây móng nhà và đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản trên đất là gian hàng và tài sản khác do gia đình ông T xây dựng trên đất đã được phê duyệt bồi thường là đảm bảo quyền lợi của gia đình ông T. Việc ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí đất Xí nghiệp truyền thanh bị thu hồi là không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Lê Đình T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Đình T phù hợp với quy định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của Người khởi kiện yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết lại, xét thấy:

[3] 1. Về xác định đối tượng khởi kiện: Bản án sơ thẩm xác định đúng đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng Hành chính là:

- Quyết định số 7866/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần hai);

- Quyết định số 62/QĐ-UB ngày 10/5/1994 của UBND huyện Ư về việc cấp đất cho ông Nguyễn Sinh V;

- Giấy chứng nhận QSD đất số T411492 ngày 11/02/2004 cấp cho ông Nguyễn Sinh V;

- Giấy chứng nhận QSD đất số B 411573 do UBND huyện Ư cấp ngày 11/2/2004 cho ông Đỗ Thành Đ1.

- Giấy chứng nhận QSD đất số T 411493 do UBND huyện Ư cấp ngày 11/2/2004 cho ông Đỗ Văn Q và Giấy chứng nhận QSD đất số BB 88758 do UBND huyện Ư cấp ngày 08/11/2010 cho ông Nguyễn Việt D2.

[4] 2. Quyết định hành chính liên quan: Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện Ư về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); Văn bản số 756/UBND-TNMT, ngày 15/12/2015 của UBND huyện Ư trả lời ông T là các Quyết định hành chính, văn bản liên quan cũng được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính.

[5] 3. Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng Hành chính thì khiếu kiện của ông Lê Đình T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[6] 4. Đối với nội dung khởi kiện của ông Lê Đình T yêu cầu: 1) Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Sinh V với ông Đặng Viết N là giao dịch dân sự vô hiệu; 2) Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Đỗ Văn Q với ông Nguyễn Việt D2 là giao dịch dân sự vô hiệu; 3) Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Việt D2 với ông Nguyễn Tuấn Đ2 vô hiệu không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và Bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này là đúng quy định tại Điều 1; Điều 2; Điều 30; khoản 2 Điều 3; điểm đ khoản 1 Điều 123; điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng Hành chính.

[7] 5. Đối với yêu cầu khởi kiện hủy một phần Quyết định thu hồi đất số 153/QĐ-UB ngày 8/4/1994 của UBND tỉnh H, xét thấy: Quyết định 153/QĐ-UB có nội dung thu hồi 1.032m² đất chuyên dùng của Công ty Vật tư nông nghiệp không sử dụng và 2.924m² đất của Công ty X, xí nghiệp sửa chữa đài, cửa hàng thực phẩm đã giải thể giao UBND huyện Ú chuyển thành đất thổ cư giải quyết cho cán bộ nhân viên cơ quan huyện làm nhà ở. Quyết định này là quyết định hành chính nhưng mang tính chất tổng thể, không phải là quyết định cá biệt, không chứa đựng nội dung làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của cá nhân ông Lê Đình T. Vì vậy Quyết định 153 không phải là Quyết định hành chính bị kiện quy định tại khoản 2 Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng Hành chính. Do đó yêu cầu khởi kiện này của ông T bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết là có căn cứ.

[8] 6. Về thời hiệu khởi kiện:

[9] Ngày 01/12/2017 ông Lê Đình T khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu hủy Quyết định số 7866/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng Hành chính.

[10] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T411492 ngày 11/02/2004 của UBND huyện Ú cấp cho ông Nguyễn Sinh V và Quyết định số 62/QĐ-UB ngày 10/5/1994 của UBND huyện Ú về việc cấp đất cho ông Nguyễn Sinh V thông qua việc giải quyết khiếu nại ông mới biết và khởi kiện nên còn thời hiệu khởi kiện và được xem xét giải quyết.

[11] Ngày 04/08/2020 khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, ông Lê Đình T mới biết được diện tích ông đang sử dụng một phần đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Thành Đ1, một phần đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn Q, sau đó cấp cho ông Nguyễn Việt D2. Ngày 24/08/2020, ông Lê Đình T khởi kiện bổ sung

yêu cầu hủy: Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông Đỗ Thành Đ1; Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông Đỗ Văn Q và Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông Nguyễn Việt D2 là đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

[12] 7. Xét tính hợp pháp của Văn bản số 756/UBND-TNMT ngày 15/12/ 2015 của UBND huyện Ú, thấy:

[13] *Về thẩm quyền:* Ông Lê Đình T đề nghị UBND huyện Ú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 32 tờ bản đồ số 34. Ngày 15/12/2015 UBND huyện Ú có Văn bản số 756/UBND-TNMT trả lời ông Lê Đình T không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng thẩm quyền theo Điều 105 Luật Đất đai.

[14] *Về nội dung văn bản:* Diện tích đất ông Lê Đình T yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 32 tờ bản đồ số 34 diện tích 75,3m² có nguồn gốc là đất của Xí nghiệp D3, truyền hình được UBND huyện Ú phê duyệt trên cơ sở Công văn số 11/CVXN ngày 19/3/1989 đồng ý cho Xí nghiệp D3, truyền hình được san lấp ao để quy hoạch lại và tổ chức của hàng dịch vụ trong phần đất do cơ quan quản lý. Trên cơ sở ý kiến của UBND huyện Ú, xí nghiệp D3 có văn bản không số, không ngày, không tháng ghi năm 1989 bàn giao cho ông Lê Đình T được quyền sử dụng diện tích 12m² gian hàng và sinh hoạt, với điều kiện nếu cơ quan nhà nước có nhu cầu thì hoàn lại cả vốn lẫn lãi kể từ ngày đóng góp. Theo văn bản này có ghi thu 02 khoản tiền: Tiền san lấp nền khu ao là 350.000 đồng (65m²), tiền xây dựng khu nhà dịch vụ và sinh hoạt là 600.000 đồng, không có tiền đầu thầu xây dựng nhà ở. Việc làm trên của Xí nghiệp chưa đúng với chỉ đạo của UBND huyện tại Văn bản số 11/CVXN, ngày 19/3/1989 của UBND huyện Ú.

[15] Ngày 22/02/1992, UBND huyện Ú ban hành Quyết định số 37/QĐ-UB giải thể Xí nghiệp dịch vụ truyền thanh, kể từ ngày 25/3/1992.

[16] Ngày 08/4/1994, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 153/QĐ-UB thu hồi 1.032m² đất chuyên dùng của Công ty vật tư nông nghiệp không sử dụng và 2.924m² đất của Công ty X, xí nghiệp sửa chữa đài, cửa hàng thực phẩm đã giải thể để giao cho UBND huyện Ú chuyển thành thổ cư giải quyết cho cán bộ nhân viên cơ quan huyện làm nhà ở là đúng quy định tại Điều 26 Luật đất đai 1993.

[17] Ngày 10/5/1994 UBND huyện Ú ban hành Quyết định số 62/QĐ-UB về việc cấp đất cho cán bộ, công nhân viên làm nhà ở, phần diện tích mà ông T đang sử dụng hiện nay, thực tế đã được UBND huyện Ú quy hoạch lại và được cấp cho ông Nguyễn Sinh V, Phạm Văn D1, Đỗ Văn N1.

[18] Đối với gia đình ông T, ngày 12/8/2003 UBND huyện Ú đã cấp cho ông T 57m² đất và ngày 13/8/2003 đã lập Biên bản bàn giao đất cho ông T tại

thực địa thôn Đ, xã L, huyện Ú, thành phố Hà Nội. Ông T đã nhận đất và xây móng nhà trên đất và ngày 11/02/2004 đã được UBND huyện Ú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[19] Ngày 30/6/2003 UBND xã L đã lập biên bản bàn giao trả đất với ông Lê Đình T: *“hỗ trợ tiền đóng góp san nền + di chuyển bằng tiền đóng góp tự nguyện của các hộ được cấp ở khu vực này cho ông T là 8.000.000 đồng. Gia đình ông T tự nguyện tháo dỡ gạch ngói di chuyển đi nơi khác trả lại đất cho các hộ được cấp đất... từ ngày 18/7/2003 không có khiếu nại gì”*.

[20] Sau khi được cấp đất ông Lê Đình T không chuyển đi vẫn tiếp tục ở lại, nên UBND huyện Ú đã hai lần ban hành quyết định cưỡng chế di chuyển vào năm 2005 và 2008.

[21] Năm 2010 Hội đồng Giải phóng mặt bằng huyện tổ chức kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ. Tại Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 21/6/2010 của UBND huyện Ú về phê duyệt phương án bồi thường tài sản trên đất số tiền 44.207.000 đồng.

[22] Như vậy, quyền lợi của ông T đã được UBND các cấp xem xét giải quyết, việc ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ông đang sử dụng tại vị trí khu Xí nghiệp sửa chữa truyền thanh là không có cơ sở để giải quyết, nên ngày 15/12/2015 UBND huyện Ú có Văn bản số 756/UBND-TNMT trả lời ông Lê Đình T không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn có căn cứ.

[23] 8. Xét tính hợp pháp, có căn cứ của Quyết định số 1558/QĐ-UBND, ngày 31/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện Ú về giải quyết khiếu nại (lần đầu):

[24] *Về thẩm quyền:* Không đồng ý với Văn bản số 756/UBND-TNMT, ngày 15/12/2015 của UBND huyện Ú, ông Lê Đình T có Đơn khiếu nại. Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị định số 43/NĐ-CP qui định chi tiết thi hành luật đất đai. Chủ tịch UBND huyện Ú ban hành Quyết định số 1558/QĐ-UBND, ngày 31/5/2016 về việc giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền.

[25] *Về nội dung:* Như đã phân tích ở trên, xác định diện tích đất ông T đang sử dụng có nguồn gốc là của Xí nghiệp truyền thanh và đã bị UBND tỉnh H thu hồi năm 1994 bằng Quyết định số 153. Phần diện tích mà ông T đang sử dụng hiện nay làm quán sửa chữa đồ điện tử, thực tế đã được UBND huyện Ú quy hoạch lại và được cấp cho ông Nguyễn Sinh V, Phạm Văn D1, Đỗ Xuân N2 ngày 10/5/1994.

[26] Ngày 31/5/2016 Chủ tịch UBND huyện Ú ban hành Quyết định số 1558/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại có nội dung giữ nguyên Văn bản số 756/QĐ-TNMT ngày ngày 15/12/2015 của UBND huyện Ú trả lời ông Lê Đình T không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ, nên Quyết định số 1558 là đúng quy định của pháp luật.

[27] 9. Xét tính hợp pháp, có căn cứ của Quyết định số 7866/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

[28] *Về thẩm quyền và trình tự ban hành quyết định:* Không đồng ý với Quyết định số 1558/QĐ-UBND, ngày 31/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện Ú về giải quyết khiếu nại (lần đầu), ông T khiếu nại tiếp. Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, Văn bản số 2033/BC-STNMT ngày 04/10/2017 và số 2290/STNM-TTTr ngày 20/10/2017 của Sở T3, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 7866/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền.

[29] *Về nội dung:* Theo phân tích trên, Quyết định số 1558/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Ú về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là đúng nên Quyết định số 7866/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) có nội dung giữ nguyên Quyết định số 1558/QĐ-UBND là có căn cứ, đúng quy định.

[30] 10. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 10/5/1994 của UBND huyện Ú về việc cấp đất cho ông Nguyễn Sinh V, ông Đỗ Xuân N2, ông Phạm Văn D1 và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

[31] *Về thẩm quyền:* Quyết định số 62/QĐ-UBND, ngày 10/5/1994 do UBND huyện Ú ban hành là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[32] Ngày 22/02/1992 UBND huyện Ú ban hành Quyết định số 37/QĐ-UB giải thể Xí nghiệp dịch vụ truyền thanh, kể từ ngày 25/3/1992.

[33] Ngày 08/4/1994 UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 153/QĐ-UB thu hồi 1.032m² đất chuyên dùng của Công ty vật tư nông nghiệp không sử dụng và 2.924m² đất của Công ty X, xí nghiệp sửa chữa đài, cửa hàng thực phẩm đã giải thể để giao cho UBND huyện ứng H2 chuyển thành thổ cư giải quyết cho cán bộ nhân viên cơ quan huyện làm nhà ở.

[34] Ngày 10/5/1994 UBND huyện Ú đã có Quyết định số 62/QĐ-UB về

việc cấp đất cho cán bộ, công nhân viên làm nhà ở, phần diện tích mà ông T đang sử dụng hiện nay thực tế đã được quy hoạch lại và cấp cho ông Nguyễn Sinh V được cấp 37,2m², ông V đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số T411492 ngày 11/02/2004. Ông V đã làm hợp đồng chuyển nhượng cho ông Đặng Việt N, hai bên đã hoàn tất việc mua bán ông N đã làm thủ tục kê khai xin cấp GCNQSD đất, tuy nhiên cho đến nay ông N chưa được cấp GCNQSD đất.

[35] Ông Phạm Văn D1, theo sơ đồ giao đất năm 1995, ông D1 được giao đất thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 03, diện tích 37,2m² (theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định có một phần diện tích đất nằm trong diện tích đất ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận). Năm 2003, ông Phạm Văn D1 đã chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích thửa đất nêu trên cho ông Đỗ Văn Q. Năm 2004, ông Đỗ Văn Q đã được UBND huyện Ú cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 354, tờ bản đồ số 11, diện tích 36,9m², loại đất ở. Năm 2010, ông Đỗ Văn Q đã chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích đất trên cho ông Nguyễn Việt D2. Ngày 08/11/2010, UBND huyện Ú đã cấp đổi sang cho ông Nguyễn Việt D2 GCNQSD đất số BB 887581. Ngày 30/7/2020, ông Nguyễn Việt D2 đã chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích thửa đất nêu trên cho ông Nguyễn Tuấn Đ2 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 933/Q3.2/2020, Quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGC ngày 30/7/2020 của Văn phòng C.

[36] Ông Đỗ Xuân N2 được cấp 56,5m², ông N2 đã chuyển nhượng cho ông Đỗ Thành Đ1, ông Đ1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 411573 do UBND huyện Ú cấp ngày 11/2/2004 (theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ có một phần diện tích đất nằm trong diện tích đất ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận).

[37] Xác định diện tích đất ông T đang sử dụng và yêu cầu UBND huyện Ú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thị trấn V thì đã được UBND tỉnh H thu hồi theo Quyết định số 153/QĐ-UB, ngày 08/4/1994, không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T. Ngày 10/5/1994 UBND huyện Ú có Quyết định số 62/QĐ-UB cấp đất cho ông Nguyễn Sinh V, ông Phạm Văn D1, ông Đỗ Xuân N2. Việc ông V, ông D1, ông N2 được cấp đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người người khác và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được giao đất hay nhận chuyển nhượng lại không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của ông T nên Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 10/5/1994 UBND huyện Ú về việc cấp đất cho cán bộ, công nhân viên làm nhà ở là đúng trình tự thủ tục đúng quy định của pháp luật. Theo đó: Giấy chứng nhận QSD đất số T411492 ngày 11/02/2004 của UBND huyện Ú cấp cho ông Nguyễn Sinh V; Giấy chứng nhận QSD đất số B 411573 do UBND huyện Ú cấp ngày

11/2/2004 cho ông Đỗ Thành Đ1; Giấy chứng nhận QSD đất số T 411493 do UBND huyện Ú cấp ngày 11/2/2004 cho ông Đỗ Văn Q và Giấy chứng nhận QSD đất số BB 88758 do UBND huyện Ú cấp ngày 08/11/2010 cho ông Nguyễn Việt D2 là đúng quy định. Do vậy, ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 62/QĐ-UBND và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V, ông Q, ông D2, ông Đ1 là không có cơ sở chấp nhận. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

[38] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy ông Lê Đình T kháng cáo yêu cầu xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tại phiên tòa phúc thẩm thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại là không có căn cứ chấp nhận.

[39] Về án phí: Ông Lê Đình T là người cao tuổi, được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng Hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12; các Điều 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Lê Đình T; Giữ nguyên quyết định của Bản án Hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Ông Lê Đình T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa